

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 33
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình tiền thân là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được thành lập theo Quyết định số 876/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100259405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259405 ngày 08 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch
Ông Mai Văn Tân	Ủy viên
Ông Lê Công Đệ	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Văn Tân	Giám đốc
Ông Lê Công Đệ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Mai Văn Tân

Số: 28/2019/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Mai Văn Công



Lại Trường Dương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2019-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2015-152-1

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại: 024 3244.40.44 / Fax: 024 3244.40.45
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.098.491.178	48.172.105.330
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.560.488.422	5.355.842.068
1.	Tiền	111	V.01	7.560.488.422	5.355.842.068
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.859.117.302	38.572.130.416
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	34.416.870.250	36.859.176.724
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	57.750.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1.583.163.052	2.225.751.692
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.140.916.000)	(570.548.000)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	5.678.885.454	4.244.132.846
1.	Hàng tồn kho	141		5.678.885.454	4.244.132.846
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.016.344.406	13.861.925.845
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II.	Tài sản cố định	220		10.934.265.579	10.971.166.805
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	10.934.265.579	10.971.166.805
	- Nguyên giá	222		26.374.915.817	24.754.806.726
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.440.650.238)	(13.783.639.921)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.082.078.827	2.890.759.040
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	3.082.078.827	2.890.759.040
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		62.114.835.584	62.034.031.175

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

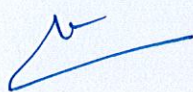
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		39.631.802.909	40.184.405.145
I.	Nợ ngắn hạn	310		39.506.544.659	39.972.746.895
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	11.076.673.792	13.884.559.926
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.925.820.175	2.786.159.661
4.	Phải trả người lao động	314		21.797.037.072	19.712.343.085
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	105.000.000	105.000.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	3.325.151.027	2.895.018.660
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		276.862.593	589.665.563
II.	Nợ dài hạn	330		125.258.250	211.658.250
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.12	125.258.250	125.258.250
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.08	-	86.400.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.483.032.675	21.849.626.030
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	22.483.032.675	21.849.626.030
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.318.754.000	882.718.000
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.104.278.675	2.906.908.030
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.104.278.675	2.906.908.030
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		62.114.835.584	62.034.031.175

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Giám đốc





Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	143.030.930.729	130.192.660.679
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		143.030.930.729	130.192.660.679
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	126.161.808.657	113.218.839.105
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.869.122.072	16.973.821.574
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.084.565.294	869.144.744
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	9.843.507	19.429.333
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.843.507	19.429.333
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	486.367.841	522.584.846
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	13.214.348.096	13.111.757.458
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.243.127.922	4.189.194.681
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	23.711.000	9.000.000
12.	Chi phí khác	32	VI.06	309.192.462	319.443.790
13.	Lợi nhuận khác	40		(285.481.462)	(310.443.790)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.957.646.460	3.878.750.891
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	853.367.785	971.842.861
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.104.278.675	2.906.908.030
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.719	1.041
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.719	1.041

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		150.921.571.769	137.815.738.557
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(54.505.010.862)	(70.074.824.828)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(74.971.134.940)	(57.956.286.404)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(9.843.507)	(19.429.333)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.163.055.009)	(1.014.799.150)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		761.997.905	647.963.618
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.763.135.205)	(11.440.045.778)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.271.390.151	(2.041.683.318)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.620.109.091)	(2.388.427.574)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.084.565.294	869.144.744
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(535.543.797)	(1.519.282.830)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.000.000.000	2.000.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.086.400.000)	(2.064.800.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.444.800.000)	(1.354.500.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.531.200.000)	(1.419.300.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.204.646.354	(4.980.266.148)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.355.842.068	10.336.108.216
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.560.488.422	5.355.842.068

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 02 đơn vị thành viên là chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Xí nghiệp xây dựng công trình	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Trung tâm dịch vụ và văn hóa thể thao Đường sắt	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	208.656.534	169.571.717
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.351.831.888	5.186.270.351
Cộng	<u>7.560.488.422</u>	<u>5.355.842.068</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	34.416.870.250	36.859.176.724
- Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát	1.471.564.000	2.525.117.100
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	27.184.034.690	25.966.080.166
- Công ty Cổ phần công trình 875	3.749.330.000	3.634.991.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.011.941.560	4.732.988.458
Cộng	34.416.870.250	36.859.176.724

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	27.806.155.690	25.966.080.166
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	27.184.034.690	25.966.080.166
- Công ty Cổ phần đường sắt Thanh Hóa	112.931.000	-
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	509.190.000	-
Cộng	27.806.155.690	25.966.080.166

03. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.583.163.052	-	2.225.751.692	-
- Tạm ứng	4.500.000	-	144.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	202.536.308	-	155.377.350	-
- Phải thu khác	1.376.126.744	-	1.926.374.342	-
+ Phải thu CBCNV – BHXH	362.626.394	-	372.710.842	-
+ Phải thu CBCNV - BHYT	79.696.900	-	75.007.300	-
+ Phải thu CBCNV - BHYTN	52.977.100	-	49.333.400	-
+ Phải thu CBCNV (Thuế TNCN)	131.743.482	-	212.900.416	-
+ Các khoản phải thu khác	749.082.868	-	1.216.422.384	-
Cộng	1.583.163.052	-	2.225.751.692	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
04. Nợ xấu				
- Công ty Cổ phần thống nhất 508	1.140.916.000	-	1.140.916.000	570.368.000
Cộng	1.140.916.000	-	1.140.916.000	570.368.000
05. Hàng tồn kho				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.231.540.606	-	2.434.236.086	-
- Công cụ, dụng cụ	22.291.156	-	24.325.976	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.400.688.839	-	1.760.993.108	-
- Thành phẩm	19.382.702	-	19.382.702	-
- Hàng hóa	4.982.151	-	5.194.974	-
Cộng	5.678.885.454	-	4.244.132.846	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.805.326.557	3.741.021.696	9.172.572.109	35.886.364	24.754.806.726
- Mua trong năm	-	1.620.109.091	-	-	1.620.109.091
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.805.326.557	5.361.130.787	9.172.572.109	35.886.364	26.374.915.817
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.748.166.541	2.260.348.828	4.743.698.349	31.426.203	13.783.639.921
- Khấu hao trong năm	544.850.212	357.239.032	753.434.353	1.486.720	1.657.010.317
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.293.016.753	2.617.587.860	5.497.132.702	32.912.923	15.440.650.238
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	5.057.160.016	1.480.672.868	4.428.873.760	4.460.161	10.971.166.805
2. Tại ngày cuối năm	4.512.309.804	2.743.542.927	3.675.439.407	2.973.441	10.934.265.579

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí trả trước

<i>Dài hạn</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	3.082.078.827	2.890.759.040
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	86.447.169
- Giá trị lợi thế kinh doanh	684.829.045	96.221.363
- Các khoản khác	2.369.579.194	2.708.090.508
Cộng	<u>27.670.588</u>	<u>-</u>
	<u>3.082.078.827</u>	<u>2.890.759.040</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
08. Vay và nợ thuê tài chính							
a. Vay ngắn hạn							
- <i>Vay ngân hàng</i>	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	
b. Vay dài hạn							
- <i>Từ 01 đến 05 năm</i>	86.400.000	86.400.000	-	86.400.000	-	-	
+ Vay CBCNV Công ty	86.400.000	86.400.000	-	86.400.000	-	-	
Cộng	86.400.000	86.400.000	1.000.000.000	1.086.400.000	-	-	

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
09. Phải trả người bán					
a. Phải trả người bán ngắn hạn					
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	11.076.673.792	11.076.673.792	13.884.559.926	13.884.559.926	
- Công ty Chế biến Lâm sản Nghệ An	-	-	4.236.260.000	4.236.260.000	
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	1.985.190.940	1.985.190.940	2.174.152.393	2.174.152.393	
- Công ty Cổ phần Công trình 6	1.645.799.810	1.645.799.810	1.571.446.000	1.571.446.000	
- Công ty TNHH MTV Vật tư đường sắt Đà Nẵng	2.266.200.000	2.266.200.000	1.776.680.000	1.776.680.000	
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại MEC Việt Nam	1.104.085.600	1.104.085.600	1.071.741.600	1.071.741.600	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	1.247.484.000	1.247.484.000	-	-	
Cộng	2.827.913.442	2.827.913.442	3.054.279.933	3.054.279.933	
	11.076.673.792	11.076.673.792	13.884.559.926	13.884.559.926	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả người bán ngắn hạn					
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	1.104.085.600	1.104.085.600	1.071.741.600	1.071.741.600	
Cộng	1.104.085.600	1.104.085.600	1.071.741.600	1.071.741.600	

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải nộp cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm		
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.008.629.123	9.085.126.253	8.713.097.009	-	2.380.658.367		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	563.055.009	853.367.785	1.163.055.009	-	253.367.785		
- Thuế thu nhập cá nhân	-	214.475.529	334.437.972	257.119.478	-	291.794.023		
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	418.343.718	418.343.718	-	-		
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-		
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	-	-	-	-		
Cộng	-	2.786.159.661	10.697.275.728	10.557.615.214	-	2.925.820.175		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
11. Chi phí phải trả			
<i>Ngắn hạn</i>		<i>105.000.000</i>	<i>105.000.000</i>
- Các khoản trích trước khác		105.000.000	105.000.000
Cộng		105.000.000	105.000.000
12. Các khoản phải trả, phải nộp khác			
		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>		<i>3.325.151.027</i>	<i>2.895.018.660</i>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		3.325.151.027	2.895.018.660
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		2.300.741.221	2.693.879.110
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam - Tiền ray		732.435.802	-
+ Các đối tượng khác		291.974.004	201.139.550
<i>b. Dài hạn</i>		<i>125.258.250</i>	<i>125.258.250</i>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		125.258.250	125.258.250
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		125.258.250	125.258.250
Cộng		3.450.409.277	3.020.276.910

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. **Vốn chủ sở hữu** Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	18.060.000.000	-	3.480.482.401	21.540.482.401
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	2.906.908.030	2.906.908.030
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	882.718.000	(3.480.482.401)	(2.597.764.401)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	18.060.000.000	882.718.000	2.906.908.030	21.849.626.030
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	3.104.278.675	3.104.278.675
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)	-	436.036.000	(2.906.908.030)	(2.470.872.030)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	18.060.000.000	1.318.754.000	3.104.278.675	22.483.032.675

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình. Cụ thể như sau:

	Số tiền
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	436.036.000
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	813.072.030
- Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	213.000.000
- Trích cổ tức chi trả	1.444.800.000
Tổng phân phối lợi nhuận	2.906.908.030

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	9.210.600.000	51%	9.210.600.000	51%
- Các cổ đông khác	8.849.400.000	49%	8.849.400.000	49%
Cộng	18.060.000.000	100%	18.060.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.060.000.000	18.060.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.060.000.000	18.060.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.444.800.000	1.354.500.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.444.800.000	1.354.500.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.806.000	1.806.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	1.806.000	1.806.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán***Vật tư nhận giữ hộ (vật tư cũ thu hồi) Tổng Công ty đường sắt Việt Nam*

Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số cuối năm	
		Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Ray P43 L=12,5m PL	thanh	282	119.850
Ray P30 L=12m PL	thanh	26	7.384
Ray P43 PL	mét	45	1.530
Ray P30 PL	mét	18	450
Lập lách P43 PL	bộ	284	3.976
Lập lách P30 PL	bộ	28	280
Xương ghi tg tg 1/10 l=19,977m PL	bộ	2	8.200
Tâm ghi Tg 1/910P43 PL	Cái	2	1.080
Tà vệt sắt PL	Thanh	3.242	64.840
Tà vệt bê tông các loại PL	Thanh	11.299	169.485
Bu lông các loại PL	Cái	45.845	13.754
Cóc các loại PL	Cái	59.764	17.929
Đinh Tiaraphong PL	Cái	5.891	1.767
Đinh Cramphong PL	Cái	3.775	944
Căn sắt các loại PL	Cái	36.322	14.529
Đệm sắt PL	tấm	3.231	9.693

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	139.504.686.185	119.793.205.792
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.526.244.544	10.399.454.887
Cộng	143.030.930.729	130.192.660.679

Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	139.177.198.685	117.555.756.391
+ Hoạt động quản lý bảo dưỡng thường xuyên	136.466.483.231	114.327.590.027
+ Công trình sửa chữa định kỳ <500 triệu đồng	2.182.672.727	3.228.166.364
+ Cứu chữa, khắc phục hậu quả thiên tai	528.042.727	-
Công ty Cổ phần đường sắt Thanh Hóa	102.664.545	-
+ Cứu chữa, khắc phục hậu quả thiên tai	102.664.545	-
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	462.900.000	-
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	462.900.000	-

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	122.724.667.008	102.862.449.886
Giá vốn của hoạt động xây dựng	3.437.141.649	10.356.389.219
Cộng	126.161.808.657	113.218.839.105

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi	1.084.565.294	869.144.744
Cộng	1.084.565.294	869.144.744
04. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	9.843.507	19.429.333
Cộng	9.843.507	19.429.333
05. Thu nhập khác		
- Các khoản thu nhập khác	23.711.000	9.000.000
Cộng	23.711.000	9.000.000
06. Chi phí khác		
- Chi phí cắt giảm công trình	283.682.462	234.876.339
- Các khoản chi phí khác	25.510.000	84.567.451
Cộng	309.192.462	319.443.790
07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>13.214.348.096</i>	<i>13.111.757.458</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	7.911.498.766	7.489.276.142
- Thuế, phí và lệ phí	337.318.218	349.910.297
- Chi phí dự phòng	570.368.000	570.548.000
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.395.163.112	4.702.023.019
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>486.367.841</i>	<i>522.584.846</i>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.367.841	522.584.846
Cộng	13.700.715.937	13.634.342.304
08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	853.367.785	863.055.009
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	108.787.852
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	853.367.785	971.842.861

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(): Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành*

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.957.646.460	3.878.750.891
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	309.192.462	2.250.181.066
+ Chi phí không được trừ	309.192.462	980.463.415
+ Giá vốn tương ứng doanh thu đã tính thuế năm trước	-	1.269.717.651
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.813.656.911
+ Doanh thu đã tính thuế năm trước	-	1.746.174.452
+ Chênh lệch do áp dụng thuế suất khác của phần doanh thu đã tính thuế	-	67.482.459
- Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	4.266.838.922	4.315.275.046
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	853.367.785	863.055.009

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.104.278.675	2.906.908.030
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.104.278.675	2.906.908.030
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.026.072.030
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.719	1.041

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.104.278.675	2.906.908.030
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.104.278.675	2.906.908.030
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.026.072.030
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.719	1.041

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.451.957.179	33.514.510.558
- Chi phí nhân công	77.715.813.184	75.487.162.077
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.657.010.317	1.449.310.284
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.474.805.688	2.312.064.982
- Chi phí khác bằng tiền	13.632.265.957	11.996.983.556
- Chi phí dự phòng	570.368.000	570.548.000
Cộng	139.502.220.325	125.330.579.457

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.155.089.200	2.164.186.825
Cộng	2.155.089.200	2.164.186.825

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	Công ty mẹ nắm giữ 48,04% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
- Trả cổ tức	736.848.000	690.795.000
- Chi phí thuê nhà cung đường	173.589.345	376.744.659
- Thuê máy móc	1.908.875.401	2.281.704.160
- Nhận bàn giao ray	8.893.863.310	-
- Bồi thường vật chất	10.030.000	6.790.000
Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên		
- Thi công công trình	-	172.890.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải		
- Thuê máy kiểm tra cầu đường sắt	-	8.844.545
Trung tâm Y tế Đường sắt		
- Khám sức khỏe định kỳ	114.400.000	133.800.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.09, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.033.177.023	2.693.879.110
+ Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	125.258.250	125.258.250
Công nợ phải trả	3.158.435.273	2.819.137.360

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Dịch vụ: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn đường sắt, dịch vụ nhà hàng, cho thuê sân thể thao, bán vé tàu hỏa, máy bay, ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm nay	Xây dựng	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cộng	
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.526.244.544	139.504.686.185	143.030.930.729	
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	
- Chi phí phân bổ	3.410.645.759	135.377.157.048	138.787.802.807	
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	115.598.785	4.127.529.137	4.243.127.922	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	1.620.109.091	1.620.109.091	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	32.044.198	1.624.966.119	1.657.010.317	
Số dư cuối năm nay				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.344.967.610	53.209.379.552	54.554.347.162	
- Tài sản không phân bổ			7.560.488.422	
Tổng tài sản	1.344.967.610	53.209.379.552	62.114.835.584	
- Nợ phải trả bộ phận	970.245.686	38.384.694.630	39.354.940.316	
- Nợ phải trả không phân bổ			276.862.593	
Tổng nợ phải trả	970.245.686	38.384.694.630	39.631.802.909	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐUỒNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước	Xây dựng	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND
			Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.399.454.887	119.793.205.792	130.192.660.679
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	10.288.516.137	115.714.949.861	126.003.465.998
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	110.938.750	4.078.255.931	4.189.194.681
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	104.346.087	2.284.081.487	2.388.427.574
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	100.296.704	1.349.013.580	1.449.310.284
Số dư cuối năm trước			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.527.307.973	52.150.881.134	56.678.189.107
- Tài sản không phân bổ			5.355.842.068
Tổng tài sản	4.527.307.973	52.150.881.134	62.034.031.175
- Nợ phải trả bộ phận	3.162.725.962	36.432.013.620	39.594.739.582
- Nợ phải trả không phân bổ			589.665.563
Tổng nợ phải trả	3.162.725.962	36.432.013.620	40.184.405.145

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNHSố 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.560.488.422	-	5.355.842.068	-	7.560.488.422	5.355.842.068
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.792.996.994	(1.140.916.000)	38.785.551.066	(570.548.000)	34.652.080.994	38.215.003.066
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	43.353.485.416	(1.140.916.000)	44.141.393.134	(570.548.000)	42.212.569.416	43.570.845.134

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị sổ sách	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	11.076.673.792	13.884.559.926	11.076.673.792	13.884.559.926
Vay và nợ	-	86.400.000	-	86.400.000
Chi phí phải trả	105.000.000	105.000.000	105.000.000	105.000.000
Các khoản phải trả khác	3.450.409.277	3.020.276.910	3.450.409.277	3.020.276.910
Cộng	14.632.083.069	17.096.236.836	14.632.083.069	17.096.236.836

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	11.076.673.792	-	-	11.076.673.792
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	3.325.151.027	125.258.250	-	3.450.409.277
Cộng	14.506.824.819	125.258.250	-	14.632.083.069
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	13.884.559.926	-	-	13.884.559.926
Vay và nợ	-	86.400.000	-	86.400.000
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	2.895.018.660	125.258.250	-	3.020.276.910
Cộng	16.884.578.586	211.658.250	-	17.096.236.836

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Phạm Thế Đạt

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Giám đốc

Mai Văn Tân

